

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH SỬ DỤNG CHAT GPT TRONG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Thu Trang, Nguyễn Đình Huy,
Bùi Quang Huy, Đặng Quốc Trường, Lê Huy Khôi

Title: Factors affecting the decision
to use chat gpt in learning among
students of Ho Chi Minh University
of Banking

Từ khóa: Chat GPT, Sử dụng công
nghệ trong học tập, Ứng dụng trí
tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục,
Công cụ hỗ trợ học thuật, Đại học
Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

Keywords: Chat GPT, Using
technology in learning, Applying
artificial intelligence (AI) in
education, Academic support tools,
Ho Chi Minh University of Banking

Lịch sử bài báo

Ngày nhận bài: 24/02/2025

Ngày nhận kết quả bình duyệt:
10/03/2025

Ngày chấp nhận đăng bài:
10/03/2025

Tác giả: Trường Đại học Ngân
hàng Thành phố Hồ Chí Minh

Email liên hệ:
trangntt@hub.edu.vn

TÓM TẮT

Đề tài "Các yếu tố tác động đến quyết định sử dụng Chat GPT trong học tập của sinh viên Trường Đại học Ngân hàng" phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ và hành vi sử dụng công cụ này trong giáo dục. Dữ liệu từ 150 sinh viên được xử lý bằng SPSS, tập trung vào các yếu tố như nhận thức hữu ích, dễ dàng sử dụng, kiểm soát hành vi, ảnh hưởng xã hội, kỳ vọng hiệu quả và rào cản kỹ thuật. Kết quả cho thấy, nhận thức dễ dàng sử dụng, kiểm soát hành vi và ảnh hưởng xã hội là các yếu tố chính thúc đẩy việc sử dụng, trong khi kỳ vọng hiệu quả và rào cản kỹ thuật có tác động gián tiếp. Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao nhận thức tích cực, giúp sinh viên hiểu rõ giá trị và cách sử dụng Chat GPT hiệu quả, đồng thời hỗ trợ xây dựng chiến lược tích hợp trí tuệ nhân tạo vào giáo dục một cách bền vững và lâu dài.

ABSTRACT

The study "Factors Affecting the Decision to Use Chat GPT in Learning Among Students of Ho Chi Minh University of Banking" analyzes the factors influencing attitudes and behaviors toward using this tool in education. Data from 150 students were processed using SPSS, focusing on factors such as perceived usefulness, ease of use, behavioral control, social influence, performance expectancy, and technical barriers. The results indicate that perceived ease of use, behavioral control, and social influence are key drivers of Chat GPT adoption, while performance expectancy and technical barriers have significant indirect effects. The study proposes solutions to enhance positive awareness, helping students understand the value and effective use of Chat GPT, while also supporting the development of strategies to sustainably and effectively integrate artificial intelligence into education.

1. Đặt vấn đề

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, đánh dấu sự trỗi dậy của các công nghệ tiên tiến với khả năng ứng dụng rộng

rãi vào mọi lĩnh vực của đời sống. Trong đó, trí tuệ nhân tạo (AI) nổi bật như một bước tiến công nghệ vượt bậc, không chỉ đổi mới cơ chế hoạt động doanh nghiệp mà còn định hình lại những khuôn mẫu giáo dục

hiện đại. AI mang đến tiềm năng to lớn trong việc cải thiện hiệu quả học tập, gia tăng tính tương tác và hỗ trợ quá trình đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học, nơi mà tính cạnh tranh và yêu cầu về chất lượng ngày càng gia tăng. Trong số các ứng dụng tiêu biểu của AI là Chat GPT (Chat Generative Pre-training Transformer), một chatbot thông minh được phát triển bởi OpenAI và chính thức ra mắt vào ngày 30/11/2022. Chat GPT dựa trên mô hình ngôn ngữ siêu lớn GPT-3.5, tích hợp các kỹ thuật học sâu và học có giám sát, cho phép nó đem lại các phản hồi chính xác, linh hoạt và phù hợp với các hoàn cảnh đa dạng. Khác biệt so với các trò chuyện tự động trước đây, điểm mạnh của Chat GPT nằm ở khả năng tạo ra văn bản phù hợp với bối cảnh của các câu hỏi trước đó. Công cụ này được phát triển dựa trên một lượng dữ liệu đồ sộ, giúp nó xử lý và sáng tạo các thể loại văn bản khác nhau, từ những hội thoại thường nhật đến các nội dung có mức độ phức tạp cao.

Ở Việt Nam, Chat GPT đã trở thành tâm điểm quan tâm của đông đảo sinh viên, ngay cả ở các trường đại học, nơi sinh viên tìm kiếm giải pháp hỗ trợ học tập. Đối với sinh viên của Trường Đại học Ngân Hàng Thành phố Hồ Chí Minh, Chat GPT mở ra một số cơ hội, từ việc tìm kiếm thông tin và giải bài tập chuyên ngành tài chính – ngân hàng đến việc tìm kiếm các ý tưởng và lập kế hoạch học tập. Tìm kiếm với từ khóa: chatbot, hành vi sử dụng AI, ứng dụng AI nghiên cứu của các tác giả Em Đ.V. và cộng sự trong việc áp dụng Chat GPT vào học tập nói chung cho thấy chatbot đã trở thành trợ thủ đắc lực cho sinh viên trong việc tìm hiểu và trau dồi

kiến thức. Tuy nhiên, việc sử dụng Chat GPT, như bất cứ công cụ nào khác, đều phụ thuộc nhiều vào người sử dụng, cần được tiếp cận một cách có trách nhiệm và cũng cần kiểm soát bằng những kỹ năng thực hành phù hợp. Mặc dù đã có một số nghiên cứu tại Việt Nam liên quan đến hành vi sử dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo, phần lớn những nghiên cứu này có xu hướng chỉ tập trung vào việc giới thiệu chung về cách tiếp cận ứng dụng AI mà chưa đi sâu vào phân tích. Một ví dụ tiêu biểu là Chat GPT, công cụ mới nổi lên trong thời gian gần đây trong việc hỗ trợ quá trình học tập và nghiên cứu, đồng thời cung cấp cái nhìn sâu sắc hơn về hành vi, nhận thức và thái độ của người dùng đối với công nghệ trí tuệ nhân tạo.

Các nghiên cứu trước đây tại Việt Nam và quốc tế đã bước đầu khám phá sức ảnh hưởng của Chat GPT trong giáo dục. Mặc dù vậy, đa số các công trình nghiên cứu mới chỉ giới hạn ở việc trình bày hoặc đánh giá tiềm năng ứng dụng, chưa đi sâu vào phân tích các yếu tố tác động đến hành vi và thái độ của người dùng, đặc biệt là sinh viên. Do đó, nghiên cứu này nhằm mục tiêu làm rõ lựa chọn sử dụng Chat GPT trong quá trình học tập của sinh viên Trường Đại học Ngân Hàng Thành phố Hồ Chí Minh sẽ bị tác động bởi các tác nhân nào? Quá trình tìm hiểu không dừng lại ở việc xem xét lợi ích mà Chat GPT mang lại, như việc tối ưu hóa thời gian học tập hay cải thiện tư duy sáng tạo, mà còn phân tích các hạn chế như rủi ro phụ thuộc quá mức vào công cụ công nghệ, khó khăn trong việc đánh giá tính chính xác

của thông tin và thách thức về bảo mật dữ liệu. Thông qua khảo sát thực tiễn với mẫu nghiên cứu gồm 150 sinh viên, nghiên cứu sẽ đưa ra các kết luận có giá trị thực tiễn, góp phần cung cấp cơ sở cho các khuyến nghị cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng Chat GPT trong môi trường đại học.

Những kết quả nghiên cứu kỳ vọng sẽ cung cấp góc nhìn tổng quan về tiềm năng áp dụng Chat GPT trong việc học tập, từ đó đề xuất các giải pháp thiết thực để nhà trường và sinh viên khai thác tối đa tiềm năng của công cụ này. Qua đó, nghiên cứu không chỉ đóng góp vào việc phát triển học thuật mà còn tạo tiền đề để nền giáo dục nước nhà tiếp cận sâu hơn với xu thế chuyển đổi số toàn cầu.

2. Tổng quan nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu của Nguyễn Phúc Quân (2023), Chat GPT là một hệ thống trí tuệ nhân tạo tiên tiến xây dựng bởi một tổ chức nghiên cứu công nghệ với tên gọi là OpenAI, nổi bật với khả năng tương tác và hiểu ngôn ngữ của con người nhờ vào lượng thông tin khổng lồ được sử dụng để huấn luyện. Công nghệ này không chỉ tạo ra được nội dung phong phú trong lĩnh vực giáo dục mà còn đáp ứng nhu cầu cá nhân hóa, hỗ trợ việc tra cứu thông tin và xử lý các vấn đề một cách tối ưu.

Nguyễn Thị Phước (2023) cũng cho rằng Chat GPT viết tắt của Generative Pre-

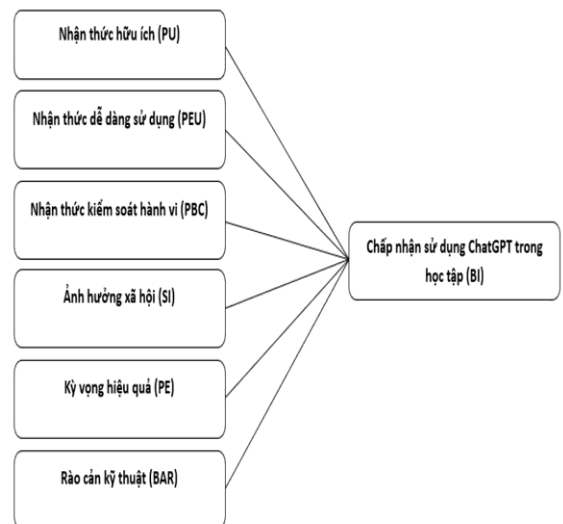
trained Transformer, công nghệ này là một trong những công nghệ hàng đầu hiện nay trong việc tương tác và hiểu ngôn ngữ con người, đặc biệt trong thời kỳ chuyển đổi số. Mô hình học sâu này được đào tạo trên khối lượng thông tin lớn, cho phép nó có thể tự mình tạo ra các văn bản có ý nghĩa và phù hợp với ngữ cảnh. Việc áp dụng Chat GPT trong giảng dạy và học tập hứa hẹn nâng cao đáng kể chất lượng giáo dục.

Tóm lại, có thể khẳng định rằng Chat GPT là một phương tiện mạnh mẽ trong việc xử lý ngôn ngữ và dữ liệu. Với năng lực tiếp cận và phân tích dữ liệu nhanh chóng, công nghệ này không chỉ cung cấp câu trả lời chính xác mà còn hỗ trợ thúc đẩy khả năng tiếp cận tri thức và cải thiện năng suất trong học tập.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1 Mô hình nghiên cứu

Mô hình nghiên cứu được đề xuất



Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

Xuất phát từ những nền tảng lý luận cơ bản và các mô hình nghiên cứu được phát triển dựa trên những công trình trước đây, mô hình nghiên cứu như trong hình đã được tạo ra. Các giả thuyết được đưa ra bao gồm:

H1: Nhận thức hữu ích tác động thuận chiều đến quyết định sử dụng Chat GPT trong học tập.

H2: Nhận thức dễ dàng sử dụng tác động thuận chiều đến quyết định sử dụng Chat GPT trong học tập.

H3: Nhận thức kiểm soát hành vi tác động thuận chiều đến quyết định sử dụng Chat GPT trong học tập.

H4: Ảnh hưởng xã hội tác động thuận chiều đến quyết định sử dụng Chat GPT trong học tập.

H5: Kỳ vọng hiệu quả tác động thuận chiều đến quyết định sử dụng Chat GPT trong học tập.

H6: Rào cản kỹ thuật tác động nghịch chiều đến quyết định sử dụng Chat GPT trong học tập.

Bảng 1: Chi tiết các nhân tố

Nhân tố	Nhân tố đã được mã hoá	Ý nghĩa	Nguồn
Nhận thức hữu ích (PU)	PU1	Tôi tin rằng việc sử dụng Chat GPT mang lại hiệu quả cao hơn trong quá trình học tập.	(Venkatesh & Davis, 1996)
	PU2	Tôi cho rằng khả năng chọn lọc thông tin của chat GPT hữu ích	
	PU3	Chat GPT hỗ trợ việc tìm kiếm thông tin một cách nhanh chóng hơn trong quá trình học.	
Nhận thức dễ dàng sử dụng (PEU)	PEU1	Tôi có thể thao tác với Chat GPT	(Davis 1989)
	PEU2	Giao diện của Chat GPT trực quan và dễ hiểu	
	PEU3	Tôi có thể dễ dàng tra cứu thông tin nhờ sử dụng Chat GPT.	
Nhận Thức Kiểm Soát Hành Vi (PBC)	PBC1	Tôi hoàn toàn có thể kiểm soát việc sử dụng Chat GPT trong quá trình học tập.	(Brown, 1990) (Berry và cộng sự, 2002)
	PBC2	Sử dụng Chat GPT cần có kiến thức, kỹ năng, công nghệ.	
Ảnh hưởng Xã Hội (SI)	SI1	Bạn bè khuyến khích tôi sử dụng Chat GPT.	(Venkatesh và cộng sự, 2003)
	SI2	Chat GPT hiện nay đang được sử dụng rộng rãi.	
	SI3	Tôi sử dụng Chat GPT theo xu hướng xã hội.	

Kỳ Vọng Hiệu Quả (PE)	PE1	Chat GPT cung cấp thông tin đáp ứng đúng mong muốn của tôi.	(Venkatesh và cộng sự, 2003)
	PE2	Việc sử dụng Chat GPT hỗ trợ tiết kiệm thời gian và nâng cao hiệu quả học tập.	
	PE3	Chat GPT có khả năng trả lời các câu hỏi của tôi.	
Rào cản kỹ thuật (BAR)	BAR1	Phải tốn phí nâng cấp tài khoản nếu muốn sử dụng phiên bản Chat GPT mới nhất	(Công Doanh Đường , Đức Thọ B (Phước, 2023) , Hương Thảo Phạm , Anh Trọng Vũ , Văn Hoàng Nguyễn)
	BAR2	Chat GPT chưa tính toán chính xác hoàn toàn các bài toán được đưa ra	
	BAR3	Chat GPT không thể hiểu đúng ngữ cảnh một cách đầy đủ của một câu hỏi khi được yêu cầu	
Quyết định sẽ sử dụng Chat GPT trong học tập (BI)	BI1	Tôi thấy ưng ý khi sử dụng Chat GPT để hỗ trợ học tập.	
	BI2	Tôi sẽ chia sẻ về Chat GPT với những người xung quanh tôi	
	BI3	Tôi sẽ áp dụng Chat GPT trong quá trình học tập của mình trong tương lai.	

Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

3.2 Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.2.1 Thống kê mô tả mẫu nghiên cứu

Theo nghiên cứu của Hair và cộng sự (1998), kích thước mẫu tối thiểu được khuyến nghị là ít nhất 5 lần số lượng thang đo hoặc biến trong mô hình nghiên cứu. Với mô hình đề xuất, tổng số thang đo là 20, do đó cần ít nhất 100 mẫu để đáp ứng yêu cầu này. Tuy nhiên để đảm bảo độ tin cậy cao hơn, nhóm nghiên cứu đã phát hành 150 bảng hỏi và thu về được số lượng phiếu trả lời tương ứng hợp lệ.

Trong đó, số lượt nữ giới tham gia khảo sát chiếm đa số cụ thể 61,3%. Tỷ lệ sinh viên các năm tham gia khảo sát từ năm 1 tới năm 4 lần lượt chiếm 10%, 22%, 43,3%, 24% ngoài ra còn có 7% sinh viên ngoài năm 4 tham gia khảo sát. Tỷ lệ sinh viên biết đến Chat GPT chiếm 99,3%, chỉ có 1 sinh viên chưa biết đến Chat GPT, trong đó số sinh viên đang sử dụng Chat GPT chiếm 94%.

3.2.2 Sử dụng hệ số Cronbach's Alpha để đánh giá độ tin cậy của thang đo

Thông qua việc đánh giá, có thể ghi nhận rằng hệ số Cronbach's Alpha ở từng nhóm biến quan sát đều đạt tiêu chuẩn, cụ

thể đều lớn hơn 0,6, về hệ số tương quan biến tổng cũng lớn hơn 0,3. Vì vậy, có thể cho rằng thang đo được sử dụng là phù hợp với mức tiêu chuẩn và đáng tin cậy, từ đó có thể sử dụng với các phương pháp phân tích kiểm định kế tiếp.

3.3 Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

3.3.1 Phân tích cho biến độc lập

Bảng 2: Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) biến độc lập

	Biến					
	1	2	3	4	5	6
PU2	,862					
PU1	,832					
PU3	,784					
PE1		,861				
PE3		,853				
PE2		,834				
PEU1			,811			
PEU2			,800			
PEU3			,776			
BAR2				,821		
BAR3				,812		
BAR1				,802		
SI1					,787	
SI2					,783	
SI3					,774	
PBC2						,890
PBC1						,889

Nguồn: Kết quả xử lý trên phần mềm SPSS 25

Kết quả cho thấy hệ số KMO là 0,859

Kiểm định Bartlett, giá trị Sig dưới 0,05 nên phân tích nhân tố khám phá là phù hợp

Hệ số Extraction của từng biến cũng đều trên 0,5, cho thấy các biến quan sát là tốt và được giữ lại trong quan sát

Trị số Eigenvalues cho thấy bảng trích lập được 6 nhân tố thể hiện được đặc tính của dữ liệu tốt nhất.

Sáu nhân tố trích được ở trong EFA phản ánh được 79,848% sự biến động của từng biến được đưa vào phân tích, thể hiện được hơn một nửa đặc điểm của các biến quan sát ban đầu. Vì vậy phân tích nhân tố khám phá có ý nghĩa.

Hệ số tải nhân tố ở mức phù hợp so với kích thước mẫu, cụ thể với kích thước mẫu 150 thì giá trị hệ số tải vẫn ở trên mức 0,45 (mức phù hợp với kích thước mẫu), thậm chí đều đạt trên 0,7.

Các biến quan sát trong từng nhóm đều ở chung 1 nhóm, không có hiện tượng nhảy sang nhóm khác.

3.3.2 Phân tích cho biến phụ thuộc

Bảng 3: Kết quả KMO và kiểm định Bartlett

KMO và kiểm định Bartlett		
Hệ số KMO		,676
Kiểm định Bartlett	Giá trị bình phương xấp xỉ	84,442
	Bậc tự do	3
	Mức ý nghĩa	,000

Nguồn: Kết quả xử lý trên phần mềm SPSS 25

Kết quả cho thấy hệ số KMO là 0,676, vẫn đảm bảo nằm trong ngưỡng yêu cầu ($0,5 \leq \text{KMO} \leq 1$).

Kiểm định Bartlett, giá trị Sig nằm dưới ngưỡng 0,05 cho thấy sự phù hợp của phân tích nhân tố ($p < 0,05$).

Ngoài ra, hệ số tải nhân số cũng ở mức trên 0,45 và chỉ một nhân tố được trích từ biến phụ thuộc. Vì vậy, các biến quan sát trong tổng thể đều có mối tương quan với nhau và hoàn toàn phù hợp với mô hình để thực hiện các công đoạn phân tích

3.4 Kỹ thuật phân tích tương quan Pearson và hồi quy tuyến tính đa biến

3.4.1 Phân tích tương quan Pearson

Độ tin cậy của mối tương quan giữa các cặp biến độc lập và cặp biến phụ thuộc đều đạt 99% .Giá trị Sig khi kiểm tra tương quan giữa các cặp biến độc lập và cặp biến phụ thuộc đều bé hơn 0,05, vì vậy các cặp biến này đều có quan hệ tương quan tuyến tính với nhau. Khoảng biến động từ 0,512 đến 0,695 của hệ số tương quan giữa biến độc lập và biến phụ thuộc cho thấy mức độ biến động trong mối liên hệ tương quan giữa chúng.

3.4.2 Phân tích hồi quy tuyến tính đa biến

Bảng 4: Tóm tắt mô hình hồi quy

Tóm tắt mô hình					
Mô hình	R	R ²	R ² hiệu chỉnh	Sai số chuẩn ước lượng	Hệ số Durbin - Watson
1	,850	,723	,712	,27854	1,998
Kết quả phân tích phương sai ANOVA					
	Tổng bình phương	df(bậc tự do)	Bình phương trung bình	Hệ số F	Sig.
Hồi Quy	29,001	6	4,834	62,303	,000
Phần dư	11,094	143	,078		
Tổng cộng	40,096	149			

Nguồn: Kết quả xử lý trên phần mềm SPSS 25

Kết quả từ Bảng 4 cho thấy hệ số R² hiệu chỉnh đạt 0,712 nằm trong khoảng từ 0,5 đến 1, nó thể hiện rằng các biến độc lập trong mô hình làm rõ được được 71,2% sự thay đổi của biến phụ thuộc, mặt khác 28,8% sót lại chính là tác động từ các yếu tố không được giải thích bởi mô hình và sai số

ngẫu nhiên. Điều này phản ánh rằng khả năng giải thích của các biến độc lập đối với biến phụ thuộc trong mô hình là rất cao, cho thấy mô hình hồi quy được xây dựng có độ phù hợp tốt. Đồng thời, chỉ số Durbin-Watson đạt 1,998, nằm trong khoảng từ 1,5 đến 2,5, cho thấy không có hiện tượng tự tương

quan đáng kể của phần dư trong mô hình hồi quy. Điều này đảm bảo giả định về tính độc lập của phần dư được đáp ứng, giúp nâng cao độ tin cậy của kết quả phân tích hồi quy. Thêm vào đó, giá trị Sig từ kiểm định F là 0,000, nhỏ hơn mức ý nghĩa 0,05, khẳng định rằng dữ liệu phù hợp với cấu trúc mô hình hồi quy tuyến tính bội. Theo đó, mô hình không chỉ bao hàm ý nghĩa thống kê mà còn có thể sử dụng hiệu quả để giải thích mối

quan hệ giữa các biến độc lập (các yếu tố ảnh hưởng) và biến phụ thuộc (kết quả cần dự đoán). Hơn nữa, mô hình còn có tiềm năng ứng dụng trong dự đoán giá trị của biến phụ thuộc dựa trên các giá trị của các biến độc lập, tạo cơ sở khoa học cho các quyết định hoặc giải pháp trong thực tiễn nghiên cứu và ứng dụng.

Bảng 5: Kết quả hồi quy đa biến
Coefficients

Mô hình		Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số đã chuẩn hóa	t	Sig.	Thông kê đa cộng tuyến	
		B	Độ lệch chuẩn	Beta			Độ chấp nhận biến	Chỉ số VIF
1	(Constant)	-,132	,241		-,550	,583		
	PU	,067	,053	,071	1,276	,204	,628	1,592
	PEU	,272	,054	,299	5,072	,000	,555	1,800
	PBC	,203	,038	,256	5,375	,000	,847	1,181
	SI	,234	,052	,271	4,525	,000	,540	1,850
	PE	,132	,045	,147	2,906	,004	,759	1,318
	BAR	,130	,046	,148	2,826	,005	,706	1,417

Nguồn: Kết quả xử lý trên phần mềm SPSS 25

Dữ liệu hồi quy đa biến từ bảng 5 cho thấy rằng trong 6 biến độc lập (PU, PEU, PCB, SI, PE và BAR) thì hầu hết các biến đều có giá trị Sig nhỏ hơn 0,05, ngoại trừ biến PU có giá trị Sig bằng 0,204, lớn hơn ngưỡng ý nghĩa 0,05. Điều này cho thấy biến PU không có ảnh hưởng đáng kể đến biến phụ thuộc, dẫn đến việc loại bỏ giả

thuyết liên quan đến biến này khỏi mô hình hồi quy. Các chỉ số VIF của các biến dao động từ 1,181 đến 1,850, đều ở dưới ngưỡng 2, điều này chỉ ra rằng mô hình không có dấu hiệu đa cộng tuyến. Với các thông tin này, mô hình hồi quy mang ý nghĩa thống kê rõ rệt và được chấp thuận.

3.5 Trao đổi về các phát hiện trong nghiên cứu

Phương trình hồi quy chuẩn hóa thu được có dạng:

$$BI = 0,299*PEU + 0,271*SI + 0,256*PBC + 0,148*BAR + 0,147*PE + e$$

Phân tích hồi quy cho thấy, biến PEU có mối quan hệ chặt chẽ với quyết định chấp nhận sử dụng Chat GPT trong học tập của sinh viên trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh (Sig<0,05). Với hệ số Beta chuẩn hóa là 0,299, PEU (nhận thức về sự dễ dàng sử dụng) được xác định là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất. Cụ thể, khi nhận thức về sự dễ dàng sử dụng tăng thêm 1 đơn vị, mức độ chấp nhận sử dụng Chat GPT trong học tập sẽ tăng thêm 0,299 đơn vị.

Biến SI (ảnh hưởng xã hội) cũng có tương quan đáng kể đến việc chấp nhận sử dụng Chat GPT (Sig<0,05). Với hệ số Beta chuẩn hóa là 0,271, SI là yếu tố ảnh hưởng lớn thứ hai. Điều này có nghĩa là khi ảnh hưởng xã hội tăng thêm 1 đơn vị, mức độ chấp nhận sử dụng Chat GPT sẽ tăng thêm 0,271 đơn vị.

Biến PBC (nhận thức kiểm soát hành vi) được xác định là yếu tố ảnh hưởng lớn thứ ba (Sig<0,05), với hệ số Beta chuẩn hóa là 0,256. Điều này cho thấy, khi nhận thức kiểm soát hành vi tăng lên 1 đơn vị, mức độ chấp nhận sử dụng Chat GPT trong học tập sẽ tăng thêm 0,256 đơn vị.

Biến BAR (rào cản kỹ thuật) cũng có mối quan hệ tương quan với quyết định chấp nhận sử dụng Chat GPT (Sig<0,05). Với hệ số Beta chuẩn hóa là 0,148, BAR

chiếm vị trí thứ tư về mức độ tác động. Khi yếu tố rào cản kỹ thuật giảm 1 đơn vị, việc chấp nhận sử dụng Chat GPT sẽ tăng thêm tương ứng 0,148 đơn vị.

Cuối cùng, biến PE (kỳ vọng hiệu quả) cũng cho thấy mối quan hệ đáng kể đến việc chấp nhận sử dụng Chat GPT (Sig<0,05). Tuy nhiên, với hệ số Beta chuẩn hóa là 0,147, PE là yếu tố có tác động yếu nhất. Khi kỳ vọng hiệu quả tăng lên 1 đơn vị, mức độ chấp nhận sử dụng Chat GPT sẽ tăng thêm 0,147 đơn vị.

Tóm lại, các yếu tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận sử dụng Chat GPT trong học tập bao gồm nhận thức dễ dàng sử dụng, ảnh hưởng xã hội, nhận thức kiểm soát hành vi, rào cản kỹ thuật và kỳ vọng hiệu quả, với mức độ tác động giảm dần.

4. Kết luận và hàm ý quản trị

Thông qua kết quả nghiên cứu, có thể nhận diện được năm tác nhân có ảnh hưởng mạnh đến sự lựa chọn sử dụng Chat GPT của sinh viên tại trường Đại học Ngân hàng trong quá trình học tập. Những tác nhân ấy bao gồm: Nhận thức dễ dàng sử dụng, ảnh hưởng xã hội, nhận thức kiểm soát hành vi, rào cản kỹ thuật, kỳ vọng hiệu quả. Từ kết quả thu được nhóm tác giả trình bày một số phương án sau cho nhà trường:

Thứ nhất, nhận thức dễ dàng sử dụng (PEU) có tác động mạnh mẽ đến quyết định chấp nhận sử dụng Chat GPT. Sinh viên cảm thấy rằng việc thao tác với Chat GPT là dễ dàng, nhưng vẫn cần cải thiện hơn nữa để tối ưu hóa trải nghiệm sử dụng. Nhà trường nên tổ chức các buổi hội thảo

định kỳ: Tổ chức các buổi workshop, chia sẻ kinh nghiệm và cách sử dụng Chat GPT, về giao diện và những tiện ích của Chat GPT nhằm tận dụng tối đa được công nghệ vào hỗ trợ học tập hiệu quả.

Thứ hai, ảnh hưởng xã hội (SI) có tác động tích cực đến việc sử dụng Chat GPT. Sinh viên thường bị ảnh hưởng bởi bạn bè và đồng nghiệp trong việc quyết định sử dụng công cụ công nghệ mới. Nhà trường nên khuyến khích giao lưu và chia sẻ kinh nghiệm, xây dựng nhóm học tập trong các môn học, thiết lập diễn đàn trực tuyến hoặc nhóm trên mạng xã hội để sinh viên có thể thảo luận, đặt câu hỏi và chia sẻ kết quả sử dụng Chat GPT. Chương trình giảng dạy cũng nên tích hợp việc sử dụng Chat GPT vào chương trình học, khuyến khích giảng viên sử dụng công cụ này trong bài giảng và bài tập.

Thứ ba, nhận thức kiểm soát hành vi (PBC) cũng có tác động tích cực, nhưng sinh viên vẫn cảm thấy cần có thêm kiến thức và kỹ năng để sử dụng Chat GPT hiệu quả hơn. Nhà trường nên có những buổi chia sẻ về việc sử dụng Chat GPT trong học tập một cách hiệu quả và thông minh, tuy nhiên không nên quá lạm dụng và phụ thuộc vào Chat GPT. Việc sử dụng Chat GPT vẫn nên có giới hạn nhất định.

Thứ tư, rào cản kỹ thuật (BAR) có tác động tích cực nhưng không quá mạnh đến quyết định chấp nhận sử dụng Chat GPT.

Điều này có nghĩa là sinh viên có thể vượt qua một số rào cản kỹ thuật nhất định nếu họ nhận thấy Chat GPT hữu ích hoặc được hỗ trợ đầy đủ. Nhà trường nên tìm kiếm tài trợ hoặc hỗ trợ từ các tổ chức giáo dục để cung cấp phiên bản cao cấp miễn phí hoặc ưu đãi chi phí cho sinh viên. Đồng thời, cần hướng dẫn sinh viên tối ưu hóa các tính năng miễn phí để đáp ứng nhu cầu học tập cơ bản, cung cấp tài liệu hoặc tổ chức hội thảo, kết hợp với các nguồn học liệu đáng tin cậy nhằm giảm thiểu sai sót trong quá trình sử dụng của sinh viên. Ngoài ra, việc hướng dẫn sinh viên đặt câu hỏi hiệu quả và triển khai các buổi huấn luyện hoặc hỗ trợ kỹ thuật sẽ giúp sinh viên làm việc tốt hơn với những hạn chế của Chat GPT.

Cuối cùng, kỳ vọng hiệu quả (PE) có tác động đến việc chấp nhận sử dụng Chat GPT. Tuy nhiên nó là yếu tố có mức độ ảnh hưởng thấp nhất trong mô hình. Dù vậy, mối quan hệ vẫn có ý nghĩa thống kê. Nhà trường nên đưa ra các minh chứng cụ thể về lợi ích thực tế (tiết kiệm thời gian, giải quyết bài tập nhanh hơn), Xây dựng các tài liệu hoặc video hướng dẫn sinh viên cách đặt câu hỏi hiệu quả, Tăng cường khả năng tích hợp Chat GPT vào các khóa học. Thu thập phản hồi thường xuyên từ sinh viên về trải nghiệm sử dụng Chat GPT để đưa ra các phương pháp phù hợp để tích hợp Chat GPT trong quá trình giảng dạy để nâng cao hiệu suất học tập của sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Brown, L. G. (1990), “Convenience in services marketing”, *Journal of Services Marketing*, 4, 53-59
- Chung, D. T., Thành, N. C. M., Thư, N. V. A., Trinh, H. D., & Trinh, V. T. T. (2024). Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập của sinh viên các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính – Marketing*, 15(6), 112-125. <https://doi.org/10.52932/jfm.v15i6.544>
- Davis, F. (1989). Perceived usefulness, perceived ease of use, and user acceptance of information technology. *MIS Quarterly*, vol. 13, 3, 319-340.
- Em Đ.V, Phương N. Đ.L và Hảo N.T (2024). Thực trạng ứng dụng Chat GPT trong việc học tập, nghiên cứu của sinh viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Giáo dục*, 24(1), 36-41. <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/1212>
- Hà, V. T. N., Hiếu, N. C., Tâm, P. P., Thư, N. N. A., Giang, N. H., & My, N. T. H. (2024). Tác động của đổi mới xanh đến sự hài lòng của khách hàng đối với mô hình số hợp kênh - Thực nghiệm Ngân hàng TMCP Phương Đông tại khu vực TP. Hồ Chí Minh. *Tạp chí khoa học Yersin - chuyên đề quản lý kinh tế*, 18, 12-22.
- Khanh, C. T. (2024). Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng phương tiện truyền thông xã hội trong bán mặt hàng gia dụng của các doanh nghiệp kinh doanh trực tuyến trên địa bàn Hà Nội. *Tạp chí Quản lý nhà nước*.
- Khôi, B. H. (2023). *Các yếu tố ảnh hưởng đến sự chấp nhận và sử dụng Chat GPT vào học tập của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh*. Tiểu luận nghiên cứu marketing, Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh.
- Marikyan, D.& Papagiannidis, S. (2023) Unified Theory of Acceptance and Use of Technology: A review. In S. Papagiannidis (Ed). *TheoryHub Book*.
- Menon, D., & Shilpa, K. (2023). “Chatting with ChatGPT”: Analyzing the factors influencing users’ intention to use OpenAI’s ChatGPT using the UTAUT model. *Heliyon*, 9(11), e20962. <https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2023.e20962>
- Nguyễn Phúc Quân (2023), Chat GPT hỗ trợ khả năng tự học và phát triển năng lực số cho thanh niên. *Kỷ yếu hội thảo khoa học Cán bộ trẻ các đại học quốc gia, đại học vùng mở rộng lần thứ II, năm 2023*.
- Phước, N. T. (2023). Sử dụng chat GPT làm công cụ hỗ trợ trong việc dạy và học ngành truyền thông. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học quốc tế Hồng Bàng*, 25, 95-100. <https://doi.org/10.59294/HIUJS.25.2023.507>
- Trúc, P. T. T., Hà, L. T., & Long, B. T. (2024). Các yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng Chat GPT trong học tập của sinh viên khối ngành Kinh tế, Luật. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*.
- Venkatesh, V. & Davis, F. (2000). A theoretical extension of the technology acceptance model: Four longitudinal field studies. *Management Science*, vol.46, 2, 186-204.